

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

“LÃNG MẠN”

TRUNG THUẦN

(Hà Nội)

“Lãng mạn” thường được dùng để chỉ con người nào đó có những ý tưởng, cảm xúc xa vời, tách biệt với những trải nghiệm và đời sống hiện thực, đó là những ý tưởng, cảm xúc được lấy ra từ trong tiểu thuyết. Còn trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, “lãng mạn” được dùng để chỉ những tác phẩm được sáng tác ra không phải bằng trí tuệ, mà là bằng cảm xúc, nó chuộng cái cao thượng, cao quý, những cảm xúc mãnh liệt, những vẻ đẹp khác thường... , đối lập lại với những gì được coi là “kinh điển”.

“Lãng mạn” là một từ gốc Hán. Nó được tiếng Hán sử dụng để chuyển dịch từ *romantic* của tiếng Anh. Từ *romantic* trong tiếng Anh là một tính từ phát sinh từ danh từ *romance* (có nghĩa là “tiểu thuyết”), sự chuyển nghĩa này là có lí do của nó, bởi như trên đã nói, những cái gì “lãng mạn” thường được lấy ra từ trong tiểu thuyết, thường là mang tính chất tiểu thuyết.

Theo tiếng Hán, “lãng” có nghĩa là “sóng”, như “ba lãng” (sóng, sóng nước), “phong bình lãng tĩnh” (sóng yên biển lặng), “thừa phong phá lãng” (cuối gió vượt sóng)...; còn với nghĩa được dùng trong “lãng mạn” là “không có gì ước thúc, không có gì trói buộc, phóng túng, như “lãng phí” (tiêu phí không có hạn độ), “lãng tử” (anh chàng lãng đãng, không nghề không nghiệp), “lãng nhân” (người đi lưu lãng khắp nơi; theo tiếng Nhật có nghĩa là “lưu manh”), “lãng du” (đi lang thang khắp nơi không có mục đích). “Mạn” có nghĩa đen là “nước đầy tràn cả ra ngoài”, còn nghĩa được dùng trong “lãng mạn” là “không chịu được sự ước thúc, trói buộc”, như “tản mạn”

(phân tán không tập trung), “mạn đàm” (nói lên những linh hội và ý kiến của mình, không chỉ câu nệ hình thức, về một vấn đề gì đó trong một cuộc họp), “mạn bút” (bài viết theo dạng tùy hứng, không theo một hình thức nhất định), “mạn hoạ” (bức tranh được vẽ ra với một thủ pháp giản đơn hoặc khoa trương, thường vận dụng phương pháp biến hình, mô phỏng, tượng trưng... để mang lại hiệu quả châm biếm). Như vậy, cả “lãng” và “mạn” trong “lãng mạn” đều có nghĩa tương tự nhau. “Lãng mạn” trong tiếng Hán cổ (còn được gọi là “mạn lãng”) có nghĩa là “buông thả, phóng đãng (như con ngựa) không dãm”. Như trong bài thơ “Dữ Mạnh Chấn đồng du Thường Châu xá” của Tô Thức có câu: “Niên lai chuyên giác thử sinh phù, Hựu tác tam Ngô lãng mạn du”. Khi được dùng để dịch từ *romantic*, nó có nghĩa là “giàu chất thơ, đầy sự mộng tưởng”. “Lãng mạn” được sử dụng rộng rãi trong đời sống hàng ngày, đặc biệt trong lĩnh vực văn học nghệ thuật nói chung. Trong âm nhạc có “khúc lãng mạn” (thường gọi là “khúc romance”), trong văn học nghệ thuật có “chủ nghĩa lãng mạn”. Trong lịch sử văn hoá nghệ thuật, “chủ nghĩa lãng mạn” và “chủ nghĩa hiện thực” là hai trường phái lớn chủ yếu. “Chủ nghĩa lãng mạn” là một loại sáng tác dựa theo một hình mẫu trong mộng tưởng, hi vọng để phản ánh cuộc sống; giàu sắc thái chủ quan, khéo khơi dậy lòng truy cầu mãnh liệt về một thế giới lí tưởng; thường là dùng những từ ngữ phóng khoáng, tràn đầy tình cảm, sự tưởng tượng tuyệt vời và thủ pháp khoa trương để tạo dựng hình tượng.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 13-02-2009)